

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 303 /BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 10 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO
Về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính.

Thực hiện Công văn số 5035/BKHĐT-TH ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2023.

Thực hiện quy định tại Điều 56 Luật Đầu tư công, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về dự kiến danh mục và phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2022

1. Tình hình giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022:

Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 được Hội đồng nhân dân tỉnh giao theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 13/12/2021 là 5.124.419 triệu đồng (trong đó: nguồn ngân sách địa phương 3.930.690 triệu đồng và nguồn ngân sách Trung ương 1.193.729 triệu đồng), UBND tỉnh đã triển khai giao chi tiết vốn cho các sở, ban, ngành và địa phương triển khai thực hiện, đến ngày 31/3/2022 đã giao 100% so với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, tại các Quyết định: Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 về việc giao chi tiết kế hoạch vốn ngân sách Nhà nước năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu Biển Đông - Hải đảo đảm bảo cho lĩnh vực quốc phòng an ninh trên biển và hải đảo; Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Trung ương năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (đợt 2); Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Trung ương năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (đợt 3);

2. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công 7 tháng đầu năm, ước thực hiện 9 tháng và ước thực hiện cả năm 2022

- Kết quả giải ngân đến ngày 26/7/2022 là 1.922.616 triệu đồng/5.124.419 triệu đồng, đạt 37,52% kế hoạch;

- Ước thực hiện đến ngày 30/9/2022: giá trị khối lượng hoàn thành là 3.814.968 triệu đồng, đạt 74,45% kế hoạch, giá trị giải ngân là 3.554.239 triệu đồng, đạt 69,36% so với kế hoạch;

- Ước thực hiện đến ngày 31/01/2023: giá trị khối lượng hoàn thành là 5.070.287 triệu đồng, đạt 98,94% kế hoạch, giá trị giải ngân là 5.050.627 triệu đồng, đạt 98,56% so với kế hoạch; phần đầu đạt 100% kế hoạch, chi tiết từng nguồn vốn như sau:

a) Vốn ngân sách địa phương:

- Tổng giá trị giải ngân tính đến ngày 26/7/2022 là 1.572.002/3.930.690 triệu đồng, đạt 39,99% kế hoạch, trong đó:

+ Chi xây dựng cơ bản tập trung: giải ngân 443.555/1.019.590 triệu đồng, đạt 43,5% kế hoạch;

+ Chi đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: giải ngân 312.964/1.300.000 triệu đồng, đạt 24,07% kế hoạch;

+ Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: giải ngân 804.383/1.600.000 triệu đồng, đạt 50,27% kế hoạch;

+ Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: giải ngân 11.100/11.100 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch;

- Ước đến ngày 30/9/2022 giá trị giải ngân là 2.739.872/3.930.690 triệu đồng, đạt 69,7% kế hoạch.

- Ước đến ngày 31/01/2023 giá trị giải ngân là 3.856.898/3.930.690 triệu đồng, đạt 98,12% kế hoạch.

b) Vốn ngân sách Trung ương:

- Tổng giá trị giải ngân tính đến ngày 26/7/2022 là 350.614/1.193.729 triệu đồng, đạt 29,37% kế hoạch, trong đó:

+ Vốn trong nước: giải ngân 309.879/1.094.718 triệu đồng, đạt 28,31% kế hoạch;



+ Vốn nước ngoài (ODA): giải ngân 40.735/99.011 triệu đồng, đạt 41,14% kế hoạch;

- Ước đến ngày 30/9/2022 giá trị giải ngân là 814.367/1.193.729 triệu đồng, đạt 68,22% kế hoạch.

- Ước đến ngày 31/01/2023 phân đầu giá trị giải ngân là 1.193.729 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

3. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công 7 tháng đầu năm, ước thực hiện 9 tháng và ước thực hiện cả năm 2022 các dự án đã được kéo dài kế hoạch vốn năm 2021 sang năm 2022

- Kết quả giải ngân đến ngày 03/8/2022 là 98.274 triệu đồng/1.035.049 triệu đồng, đạt 9,49% kế hoạch;

- Ước thực hiện đến ngày 30/9/2022: giá trị giải ngân là 369.971 triệu đồng/1.035.049 triệu đồng, đạt 35,74% so với kế hoạch;

- Ước thực hiện đến ngày 31/12/2022: phân đầu giải ngân 100% kế hoạch vốn được kéo dài.

4. Các giải pháp đã triển khai thực hiện đẩy nhanh tiến độ

Xác định việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của năm 2022 nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện cao nhất các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2022. UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 15/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2022; Công văn số 688/UBND-KT ngày 10/5/2022 về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài; tổ chức các cuộc họp, làm việc tại UBND tỉnh để tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ. Qua đó ban hành các văn bản chỉ đạo, đề ra các giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân, cụ thể:

a) Để đẩy mạnh tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn năm 2022, trong tháng 5/2022 UBND tỉnh Kiên Giang đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 18/5/2022 về việc, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn một số danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang với tổng kế hoạch điều chỉnh tăng, giảm là 371.185 triệu đồng, gồm: tăng kế hoạch vốn 25 dự án và giảm kế hoạch vốn 14 dự án; trên cơ sở đó UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1298/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung kế

11.11.2022
 11.11.2022
 11.11.2022

hoạch vốn một số danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

b) Giao nhiệm vụ cho người đứng đầu các sở, ban, ngành, ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các chủ đầu tư phải đề ra các giải pháp cụ thể nhằm kịp thời chấn chỉnh, khắc phục ngay những tồn tại, hạn chế trong năm 2021, trường hợp vượt thẩm quyền phải chủ động báo cáo, đề xuất UBND hướng xử lý.

c) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, chấp hành nghiêm các quy định trong quản lý đầu tư công, đấu thầu, xây dựng, thanh toán vốn. Tổ chức lập kế hoạch chi tiết cho từng dự án từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư đến triển khai thi công, nghiệm thu và thanh quyết toán đảm bảo phù hợp tiến độ chung của dự án và đúng quy định. Phân công cụ thể lãnh đạo, cán bộ theo dõi chỉ đạo, điều hành công việc từ khâu lập, thẩm định hồ sơ dự án - thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công - dự toán, kế hoạch đấu thầu và triển khai thi công; xây dựng tiến độ chi tiết cho từng dự án/công trình để theo dõi, đôn đốc, quản lý tiến độ.

d) Các chủ đầu tư và ban quản lý dự án chủ động, tích cực phối hợp chặt chẽ với UBND cấp huyện nơi có dự án để đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng. Thường xuyên theo dõi, kịp thời giải quyết các phát sinh, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

đ) Các chủ đầu tư, ban quản lý dự án tăng cường công tác họp giao ban định kỳ hàng tháng với các nhà thầu để nắm sát tình hình thực hiện dự án, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc (nếu có). Thường xuyên thực hiện công tác giám sát và đánh giá đầu tư. Kiên quyết xử phạt, cắt hợp đồng các nhà thầu vi phạm hợp đồng vượt thời gian thực hiện nhưng không có lý do chính đáng.

e) Tăng cường công tác nghiệm thu từng giai đoạn để giải ngân vốn kịp thời khi có khối lượng hoàn thành. Đẩy nhanh công tác quyết toán công trình khi được nghiệm thu đưa vào sử dụng theo đúng thời gian quy định tại Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính và có biện pháp xử lý nghiêm đối với các đơn vị không quyết toán, quyết toán chậm gây ảnh hưởng đến công tác bố trí kế hoạch vốn.

g) Nâng cao chất lượng thẩm định dự án - thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công - dự toán. Tăng cường công tác tập huấn phổ biến các văn bản quy định mới, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ tham gia các lĩnh vực quản lý đầu tư công.

12/02/2022

h) Kiểm tra đôn đốc, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho chủ đầu tư, ban quản lý dự án đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư công; thực hiện thanh, kiểm tra đầu tư công theo kế hoạch. Định kỳ hàng tháng, quý, năm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2022, tình hình quyết toán dự án hoàn thành, danh mục các dự án đầu tư đã phê duyệt quyết toán thiếu vốn làm cơ sở bố trí vốn thanh toán tại cuộc họp thường kỳ của UBND tỉnh.

i) Chủ động phối hợp xử lý các vướng mắc, khó khăn trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng.

k) Tập trung tổ chức thực hiện và chỉ đạo Kho bạc Nhà nước cấp huyện tiếp tục thực hiện tốt công tác giải ngân vốn, khi đầy đủ hồ sơ dự án phải giải ngân chậm nhất trong thời hạn 03 ngày.

l) Ban hành kế hoạch thi đua chuyên đề để phát động phong trào thi đua thực hiện đầu tư công năm 2022 để làm cơ sở xét khen thưởng các đơn vị đạt thành tích tốt theo quy định; đồng thời, tham mưu gợi ý kiểm điểm, đánh giá cán bộ đối với các tổ chức, cá nhân, đơn vị không thực hiện đạt chỉ tiêu đề ra theo phân cấp quản lý.

5. Đánh giá chung

5.1. Những mặt làm được:

Ngay từ khi có Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt, thực hiện đồng bộ các giải pháp đẩy nhanh tiến độ triển khai. UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 15/4/2022 về triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2022 trên địa bàn tỉnh; trong đó, yêu cầu người đứng đầu các cơ quan, địa phương phải đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, tập trung vào công tác kiểm tra, giám sát để phát hiện các tồn tại, hạn chế, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và thành lập ngay “Tổ kiểm tra, thúc đẩy giải ngân đầu tư công” với Tổ trưởng là Giám đốc các sở, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; phải thực hiện việc giao ban định kỳ hàng tháng để tháo gỡ khó khăn;

Công tác chỉ đạo điều hành một số sở, ban, ngành và địa phương có nhiều chuyển biến tích cực; chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện ngay sau khi được giao kế hoạch vốn; một số tồn tại, hạn chế đã được khắc phục, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án chuyển tiếp, nhiều dự án bố trí mới được tổ chức đấu thầu triển khai thực hiện. Đã chủ trì ký kết kế hoạch thực hiện các dự án trọng điểm giữa chủ đầu tư và các địa phương để thống nhất kế hoạch thực hiện, đặc biệt là

KIẾN

công tác bồi hoàn, giải phóng mặt bằng các dự án giao thông đi qua địa bàn các địa phương đó.

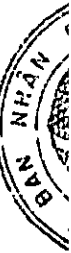
5.2. Những tồn tại, hạn chế:

Năm 2022 là năm cả nước chung tay khắc phục những hậu quả của đại dịch Covid-19, việc giải ngân kế hoạch đầu tư công sẽ ảnh hưởng lớn đến các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và tỉnh Kiên Giang nói riêng.

Tuy nhiên, một số đơn vị vẫn thực hiện chưa nghiêm các chỉ đạo của chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ và cơ quan Trung ương, Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh như: chưa nghiêm túc kiểm điểm trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 không đạt kế hoạch đề ra; chưa giải ngân theo kế hoạch đề ra theo Chỉ thị của Ủy ban nhân dân tỉnh; chưa triển khai và hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu thi công đối với các công trình triển khai mới năm 2022 (nhất là các dự án trọng điểm); phần lớn các đơn vị chậm hoặc chưa xây dựng kế hoạch triển khai cho từng dự án cụ thể để có giải pháp chỉ đạo điều hành cho phù hợp theo kế hoạch dự án. Công tác bồi hoàn, giải phóng mặt bằng vẫn là vướng mắc chưa được giải quyết triệt để, còn chậm, quy trình thủ tục còn kéo dài, khiếu nại khiếu kiện trong công tác lập phương án bồi hoàn, giải phóng mặt bằng vẫn thường xuyên xảy ra làm ảnh hưởng tiến độ của nhiều công trình.

Chất lượng công tác xây dựng, phân bổ vốn được nâng lên, bám sát thực tế và khả năng triển khai của từng dự án nhưng vẫn còn hạn chế, một số các địa phương chưa chủ động, còn sai sót trong việc bố trí danh mục đầu tư (chưa tuân thủ quy định theo từng nguồn vốn, chưa đủ hồ sơ thủ tục, kế hoạch sử dụng đất để thu hồi đất, chuẩn bị danh mục và phân khai chi tiết các công trình giao thông nông thôn còn chậm). Vẫn còn một số chủ đầu tư chậm hiện thủ tục như: chưa phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công - dự toán; chưa phê duyệt phương án bồi hoàn, giải phóng mặt bằng để triển khai đấu thầu xây lắp, ...

Công tác đấu thầu từng bước đã khắc phục những hạn chế, đấu thầu qua mạng đã được tuân thủ theo kế hoạch của Chính phủ nhưng việc triển khai thực hiện ở nhiều gói thầu chưa đảm bảo theo quy định. Tiến độ thi công các công trình chuyển tiếp còn chậm. Bên cạnh đó, giá vật tư xây dựng thời gian gần đây có xu hướng tăng cao ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án. Giá nhiên liệu tăng so với thời điểm ban hành đơn giá khoảng từ 22% đến 29%. Giá cước vận chuyển



hàng hóa trên địa bàn tỉnh đến thời điểm hiện nay đã tăng so với thời điểm ban hành khoảng từ 24% đến 27%.

5.3. Nguyên nhân:

a) Về khách quan:

- Giá vật tư xây dựng có xu hướng tăng cao ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án, giá nhiên liệu và giá cước vận chuyển hàng hóa trên địa bàn tỉnh tăng, tác động trực tiếp đến chi phí của doanh nghiệp, nhà thầu xây dựng, ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ thi công dự án; bên cạnh đó, đã xuất hiện tình trạng khan hiếm nguyên vật liệu, gây khó khăn cho chủ đầu tư trong việc quản lý giá thành, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, gây khó khăn cho nhà thầu trong việc triển khai thi công làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công và kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công.

- Các dự án thành phần sử dụng vốn ODA thực hiện tại địa phương phải phụ thuộc vào quy trình phê duyệt của Ban Quản lý dự án Trung ương, một số dự án phải thực hiện điều chỉnh hiệp định vay, gia hạn thời gian thực hiện dự án, thống nhất với nhà tài trợ về kế hoạch thực hiện, công tác đấu thầu, ban hành sổ tay hướng dẫn,... nên triển khai chậm.

b) Về chủ quan:

Mặc dù kế hoạch đầu tư công được giao vốn ngay từ đầu năm, tuy nhiên việc triển khai lập các thủ tục chuẩn bị đầu tư, triển khai dự án chuyển tiếp của các chủ đầu tư vẫn chậm so với chỉ đạo.

Các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương vẫn đang vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, đặc biệt là các dự án kết cấu hạ tầng giao thông trọng điểm.

Một số chủ đầu tư còn chậm, chưa chủ động trong việc phối hợp hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục như: điều chỉnh chủ trương đầu tư, dự án đầu tư, phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công - dự toán, phê duyệt phương án bồi hoàn, giải phóng mặt bằng, một số dự án đang hoàn thiện thủ tục lựa chọn nhà thầu, phê duyệt kế hoạch đấu thầu; phối hợp xử lý kỹ thuật các công trình thi công trên mặt bằng có địa hình, địa chất phức tạp hoặc công trình có thiết kế đặc thù; chưa xác định được nguồn vốn và mức vốn cụ thể; các dự án chuyển tiếp đang thi công cần có khối lượng mới giải ngân được (thông thường những tháng đầu năm các dự án thi công để lấy khối lượng thanh toán cho phần đã tạm ứng vào cuối năm 2021),..

Vẫn còn một số đơn vị thi công thiếu kinh nghiệm, năng lực thiết bị, tài chính và nhân lực không đúng với hồ sơ trúng thầu; tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát kinh nghiệm, năng lực còn hạn chế, thiếu tinh thần trách nhiệm nên quá trình thi công phải xử lý phát sinh, làm chậm tiến độ thực hiện.

6. Các giải pháp để tiếp tục triển khai có hiệu quả và thực hiện thành công kế hoạch đầu tư công trong những tháng cuối năm 2022

6.1. Nhiệm vụ chung

UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban ngành, các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các chủ đầu tư tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và của UBND tỉnh như: Công điện số 05/CĐ-BKHĐT ngày 27/4/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các văn bản chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh: Công văn số 218/UBND-TH ngày 15/02/2022, Công văn số 674/UBND-TH ngày 09/5/2022, Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 15/4/2022; phải xem giải ngân vốn đầu tư công là giải pháp quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế, tạo động lực cho các ngành, lĩnh vực kinh tế khác và xem đây là nhiệm vụ trọng tâm của các cơ quan, đơn vị mình. Kịp thời chấn chỉnh, khắc phục ngay những tồn tại, hạn chế, nhất là công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, chấp hành nghiêm các quy định trong quản lý đầu tư công, đấu thầu, xây dựng, thanh toán vốn. Xây dựng tiến độ chi tiết cho từng dự án/công trình để phân công cán bộ trực tiếp theo dõi, đôn đốc, quản lý tiến độ.

Thường xuyên rà soát, kiểm tra, đôn đốc không để xảy ra tình trạng chậm giao, tồn đọng vốn, tồn đọng hồ sơ giải quyết các thủ tục dự án đầu tư; đẩy nhanh công tác nghiệm thu, quyết toán, không để dồn vào cuối năm. Chủ động rà soát tiến độ giải ngân để kịp thời có phương án xử lý cụ thể, kiên quyết cắt giảm, điều chuyển vốn từ các dự án chậm giải ngân sang các dự án có khả năng giải ngân tốt, bảo đảm hiệu quả vốn đầu tư; tăng cường phân cấp, ủy quyền, gắn trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả giải ngân; tiếp tục xác định kết quả giải ngân vốn đầu tư công là một tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu và tập thể, cá nhân liên quan.

6.2. Nhiệm vụ cụ thể: UBND tỉnh đã đề ra và tập trung chỉ đạo các nhiệm vụ cụ thể như sau:

a) Đối với các đơn vị chưa giải ngân: khẩn trương đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, sớm hoàn thành các thủ tục nghiệm thu, lập hồ sơ thanh quyết toán khối lượng hoàn thành. Trường hợp khó khăn phải chủ động báo cáo các tổ kiểm tra, thúc đẩy giải ngân đầu tư công¹ để tháo gỡ, hoặc chủ động đề xuất điều chuyển vốn cho các dự án khác có nhu cầu và khối lượng.

b) Đối với các đơn vị có tỷ lệ giải ngân thấp: đôn đốc các đơn vị tư vấn hoàn chỉnh hồ sơ, sớm hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng triển khai thi công. Đối với các dự án chuyển tiếp, các chủ đầu tư tích cực đôn đốc các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công, sớm lập các thủ tục thanh toán khối lượng hoàn thành theo đúng quy định để giải ngân theo kế hoạch tại Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 15/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Đối với các đơn vị có tỷ lệ giải ngân tốt: các chủ đầu tư tiếp tục theo dõi sát tiến độ dự án để có đề xuất rút ngắn thời gian thi công, sớm đưa công trình nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng, đặc biệt là các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng có quy mô lớn, giúp phát huy hiệu quả đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Trường hợp các dự án này thiếu vốn thì đề xuất các tổ công tác, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét.

d) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có dự án vướng giải phóng mặt bằng: đôn đốc, sớm triển khai hoàn thành phương án giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn, trường hợp có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền phải chủ động phối hợp với chủ đầu tư báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để tham mưu cho ý kiến xử lý. Các địa phương có trách nhiệm vận động người dân trong khu vực dự án sớm di dời, bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công triển khai dự án đảm bảo tiến độ.

đ) Tiếp tục quan tâm, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc giúp các địa phương đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các công trình trọng điểm. Tham mưu tổ chức hội nghị chuyên đề về công tác bồi hoàn giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh. Nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác giải phóng mặt bằng. Hướng dẫn, kiểm soát quy trình, thủ tục nhằm hạn chế sai sót dẫn đến khiếu nại, khiếu kiện của người dân. Đẩy nhanh tiến độ dự án cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh do Sở quản lý.

¹ Theo Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 15/4/2022 UBND tỉnh Kiên Giang.

e) Chủ đầu tư các dự án trọng điểm (các Sở: Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, ...) tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm. Chủ trì, phối hợp với các ban quản lý dự án chuyên ngành đẩy nhanh tiến độ thực hiện, hoàn thành các dự án: cảng hành khách Rạch Giá; nâng cấp, mở rộng đường Dương Đông - Cửa Cạn - Gành Dầu và xây dựng mới nhánh nối với đường trục Nam - Bắc; đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất; đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang - đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành); đường ven sông Cái Lớn (đi qua huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận và một phần huyện Gò Quao); chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - WB9; đầu tư xây dựng 18 cống trên tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang; chuyển đổi nông nghiệp bền vững (Vnsat); Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang - quy mô 1020 giường; Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường;... theo kế hoạch. Kiểm soát chặt chẽ không để vượt tổng mức đầu tư dự án. Rà soát tiến độ thực hiện các dự án để có đề nghị điều chuyển, cắt giảm, bổ sung vốn cho phù hợp với tiến độ, đặc thù của dự án.

g) Khẩn trương hoàn thành các thủ tục phê duyệt dự án và phải triển khai nhanh các thủ tục về xây dựng, đấu thầu; đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình thuộc Chương trình Phục hồi và Phát triển kinh tế - xã hội, hoàn thành dự án trong 02 năm 2022-2023 theo các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

h) Các sở quản lý xây dựng chuyên ngành nghiên cứu rút ngắn thời gian thẩm định, phê duyệt thiết kế cơ sở, dự án đầu tư, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán. Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu chủ động làm việc với các chủ đầu tư, đơn vị tư vấn để tháo gỡ vướng mắc để sớm triển khai dự án. Đối với những đơn vị tư vấn không đủ năng lực, yêu cầu chủ đầu tư cắt hợp đồng để giao lại cho các đơn vị khác đủ năng lực theo quy định. Chủ động rà soát, tham mưu đối với những vướng mắc trong việc thực hiện các văn bản mới ban hành thuộc lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản.

i) Tiếp tục tổ chức kiểm tra đôn đốc, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho chủ đầu tư, ban quản lý dự án, đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư công và giải ngân năm 2022 (kể cả vốn kéo dài). Đôn đốc các chủ đầu tư khẩn trương hoàn thành, phê duyệt dự án và tổ chức triển khai ngay các dự án thuộc Chương trình Phục hồi và Phát triển kinh tế - xã hội. Rà soát, kiên quyết tham mưu cắt giảm các dự án nhỏ lẻ, không hiệu quả, chậm thủ tục đầu tư danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; đôn đốc các ngành hoàn tất thủ tục đầu tư các dự

án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, nhất là các dự án thuộc nguồn vốn Trung ương bổ sung. Hoàn chỉnh lại danh mục kế hoạch đầu tư công năm 2022, trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo đúng quy định, phù hợp, đảm bảo đúng mục tiêu và ưu tiên sắp xếp thứ tự đầu tư nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và Nghị quyết Đại hội các cấp.

Trên cơ sở thực tế tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2022; chủ động đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh phương án xử lý cụ thể, kiên quyết cắt giảm, điều chuyển vốn từ các dự án chậm giải ngân sang các dự án có khả năng giải ngân tốt hơn, từ các dự án chưa hoàn thành thủ tục đầu tư (chưa có quyết định đầu tư) sang các dự án đã đủ thủ tục hồ sơ, bảo đảm hiệu quả vốn đầu tư và đúng theo quy định. Dự kiến nhu cầu và tham mưu, hướng dẫn các ngành, địa phương xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2023 theo quy định.

k) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, rà soát từng dự án, kiểm soát chặt chẽ quy trình lập hồ sơ, thủ tục và sự cần thiết, phạm vi, quy mô từng dự án theo đúng quy hoạch, định hướng, mục tiêu đã được duyệt, bảo đảm hiệu quả đầu tư, kết quả đầu ra của từng dự án. Tăng cường công tác chỉ đạo điều hành, chỉ đạo chấn chỉnh, khắc phục ngay các sai sót và khẩn trương điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022, rà soát danh mục dự án và phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp theo đúng quy định.

l) Yêu cầu các chủ đầu tư, các sở, ngành, địa phương rà soát để xem xét, đề xuất xuất cắt giảm các dự án nhỏ lẻ, chậm thủ tục...vv trong trung hạn giai đoạn 2021-2025 nhằm tập trung nguồn lực cho các công trình mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội, mang tính lan tỏa....

II. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

1. Định hướng đầu tư công năm 2023

a) Yêu cầu: kế hoạch đầu tư năm 2023 phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá khả năng và phân đấu đạt kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022; phù hợp với dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2023 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh; Chương trình hành động và Kế hoạch hành động của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2021-2025 của tỉnh.

b) Mục tiêu: đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ và công nghiệp; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước đồng



bộ; phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, đảm bảo ổn định chính trị - xã hội, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển nền kinh tế số, xã hội số; tạo điều kiện tăng cường thu hút đầu tư.

2. Dự kiến kế hoạch năm 2023

Tổng dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023 là 5.648.435 triệu đồng (kèm theo phụ lục I), trong đó:

2.1. Vốn ngân sách địa phương: 3.919.590 triệu đồng, gồm: vốn đầu tư trong cân đối ngân sách là 1.019.590 triệu đồng; vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất là 1.300.000 triệu đồng; vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết là 1.600.000 triệu đồng;

2.2. Vốn ngân sách Trung ương: 1.728.845 triệu đồng, trong đó:

a) Vốn ngân sách Trung ương (vốn trong nước): 1.555.000 triệu, gồm:

- Vốn ngân sách Trung ương (vốn trong nước) đầu tư cho các nhiệm vụ, dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 1.260.000 triệu đồng, bố trí cho 14 dự án. Cụ thể (kèm theo phụ lục II):

+ Lĩnh vực giao thông: bố trí 80.897 triệu đồng/05 dự án chuyển tiếp và 200.000 triệu đồng/03 dự án khởi công mới.

+ Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: bố trí 36.103 triệu đồng/02 dự án chuyển tiếp và 243.000 triệu đồng/02 dự án khởi công mới;

+ Lĩnh vực văn hóa: bố trí 100.000 triệu đồng/01 dự án chuyển tiếp;

+ Lĩnh vực quốc phòng: bố trí 100.000 triệu đồng/01 dự án khởi công mới (có văn bản đăng ký danh mục dự án theo chế độ “Mật”)

- Vốn ngân sách Trung ương (vốn trong nước) đầu tư cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình Phục hồi và phát triển kinh tế xã hội là 295.000 triệu đồng, bố trí cho 03 dự án. Cụ thể (kèm theo phụ lục III):

+ Đầu tư các cơ sở bảo trợ xã hội, đào tạo và dạy nghề, kết nối và giải quyết việc làm: 70.000 triệu đồng/01 dự án;

+ Phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển, bảo đảm an toàn hồ chứa, thích ứng biến đổi khí hậu, khắc phục hậu quả thiên tai: 225.000 triệu đồng/02 dự án.

b) Vốn nước ngoài: 173.845 triệu đồng, bố trí cho 01 dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025 thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản (kèm theo phụ lục).

3. Các khó khăn trong xây dựng kế hoạch năm 2023:

- Do yêu cầu đảm bảo về mặt thời gian theo quy định nên hầu hết đối với đề xuất dự kiến kế hoạch năm 2023 của UBND các huyện, thành phố đều chưa thực hiện báo cáo xin ý kiến thống nhất của Hội đồng nhân dân cùng cấp.

- Đối với vốn từ nguồn thu hợp pháp khác của các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư, phải thực hiện quy trình đầu tư theo Luật Đầu tư công. Tuy nhiên, hầu hết các đơn vị sự nghiệp công lập chưa cập nhật được quy định này, nên đến nay chưa xác định nhu cầu và vốn đầu tư của các đơn vị trên.

4. Các giải pháp thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2023

Để thực hiện hoàn thành kế hoạch đầu tư công năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đề ra một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

4.1. Chú trọng nâng cao chất lượng việc lập các hồ sơ thủ tục chuẩn bị đầu tư (dự án đầu tư, hồ sơ thiết kế, ...).

4.2. Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố và các chủ đầu tư, ban quản lý dự án tỉnh:

a) Tăng cường kỷ luật, chấp hành nghiêm các quy định trong quản lý đầu tư công, đấu thầu, xây dựng, thanh toán vốn, ... Tổ chức lập kế hoạch và phân công cụ thể lãnh đạo, cán bộ theo dõi chỉ đạo, điều hành công việc từ khâu lập, thẩm định thiết kế, kế hoạch đấu thầu và triển khai thi công, đảm bảo phù hợp tiến độ và đúng quy định.

b) Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố và chủ đầu tư; đề ra các giải pháp nhằm khắc phục ngay những tồn tại, hạn chế. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình; tiến hành nghiệm thu và lập hồ sơ thanh toán ngay khi có khối lượng hoàn thành.

c) Tăng cường công tác thanh, kiểm tra, quản lý chất lượng công trình, dự án; lập hồ sơ thanh, quyết toán các dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng đúng thời gian quy định.

IV. KIẾN NGHỊ

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Kiên Giang nhiệm kỳ 2021- 2025. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính sớm cho thông qua danh mục các dự án được dự kiến hỗ trợ từ kinh phí hỗ trợ ngân sách có mục tiêu phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu (khoản hỗ trợ DPO). Địa phương sẽ ưu tiên bố trí vốn để đối ứng thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng.

Trên đây là báo cáo của UBND tỉnh Kiên Giang về dự kiến phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. *uuee*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, P KT;
- Lưu: VT, nkguyen "HT".

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Nhân



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục I
ƯỚC TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 VÀ
NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 CỦA TỈNH KIÊN GIANG

(Kèm theo Báo cáo số 302/BC-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

Biểu mẫu số I.b

STT	Nguồn vốn	Năm 2022			Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến KH Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Nhu cầu kế hoạch năm 2023	Ghi chú
		Kế hoạch	Ước giải ngân từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/9/2022	Ước giải ngân từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/01/2023				
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	5.179.419	3.554.239	5.105.627	28.423.033	350.000	5.648.435	
1	Vốn NSNN	5.179.419	3.554.239	5.105.627	28.423.033	350.000	5.648.435	
	<i>Trong đó:</i>							
<i>a)</i>	<i>Vốn ngân sách địa phương</i>	<i>3.930.690</i>	<i>2.739.872</i>	<i>3.856.898</i>	<i>21.440.300</i>	<i>-</i>	<i>3.919.590</i>	
-	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm đất, xô số và bội chi)	1.019.590	656.924	999.538	5.747.500		1.019.590	
-	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	1.300.000	831.360	1.246.290	7.000.000		1.300.000	
-	Xô số kiến thiết	1.600.000	1.240.488	1.599.970	8.644.000		1.600.000	
-	Bội chi ngân sách địa phương	11.100	11.100	11.100	48.800			



STT	Nguồn vốn	Năm 2022			Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến KH Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Nhu cầu kế hoạch năm 2023	Ghi chú
		Kế hoạch	Ước giải ngân từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/9/2022	Ước giải ngân từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/01/2023				
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	<i>Trong đó: Vốn trái phiếu chính quyền địa phương</i>							
b)	<i>Vốn ngân sách trung ương bổ sung cho địa phương</i>	1.248.729	814.367	1.248.729	6.982.733	350.000	1.728.845	
-	Vốn trong nước	1.149.718	749.967	1.149.718	6.445.700	350.000	1.555.000	
	<i>Trong đó: Từ nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội</i>	55.000		55.000	350.000	350.000	295.000	
-	Vốn nước ngoài	99.011	64.400	99.011	537.033		173.845	nhu cầu bổ sung 260 tỷ thực hiện các dự án vay ODA.

Ghi Chú: Kế hoạch năm 2023 dự kiến tăng 469.016 triệu đồng so với kế hoạch năm 2022.

Phụ lục 11
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2022
VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM 2023 ĐỐI VỚI DANH MỤC NHIỆM VỤ DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSNN GIẢI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Báo cáo số 809/B-C.UBND ngày 10 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Bản mẫu H-a

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Hành mục dự án	Nhiệm vụ dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HTT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Năm 2022								Dự án trị giá vốn đầu tư KJI năm 2022				KJI đầu tư trong hạn giải đoạn 2021-2025				Dự kiến kế hoạch 2023				Ghi chú		
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDP		Kế hoạch		Ước giải ngân từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/9/2022		Ước giải ngân từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/01/2023		Tổng số (tính cả các nguồn vốn)		Tổng số (tính cả các nguồn vốn)		Tổng số (tính cả các nguồn vốn)		Tổng số (tính cả các nguồn vốn)		Tổng số (tính cả các nguồn vốn)		Tổng số (tính cả các nguồn vốn)		Tổng số (tính cả các nguồn vốn)			
							Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)		Trong đó NSTW	
							Trong đó		Trong đó		Trong đó		Trong đó		Trong đó		Trong đó		Trong đó		Trong đó		Trong đó		Trong đó		Trong đó			
							Thu hút các doanh nghiệp nước ngoài	Thu hút các doanh nghiệp nội địa	Thu hút các doanh nghiệp nước ngoài	Thu hút các doanh nghiệp nội địa	Thu hút các doanh nghiệp nước ngoài	Thu hút các doanh nghiệp nội địa	Thu hút các doanh nghiệp nước ngoài	Thu hút các doanh nghiệp nội địa	Thu hút các doanh nghiệp nước ngoài	Thu hút các doanh nghiệp nội địa	Thu hút các doanh nghiệp nước ngoài	Thu hút các doanh nghiệp nội địa	Thu hút các doanh nghiệp nước ngoài	Thu hút các doanh nghiệp nội địa	Thu hút các doanh nghiệp nước ngoài	Thu hút các doanh nghiệp nội địa	Thu hút các doanh nghiệp nước ngoài	Thu hút các doanh nghiệp nội địa	Thu hút các doanh nghiệp nước ngoài	Thu hút các doanh nghiệp nội địa	Thu hút các doanh nghiệp nước ngoài		Thu hút các doanh nghiệp nội địa	Thu hút các doanh nghiệp nước ngoài
TỔNG SỐ																														
1	NGÂN SÁCH GIẢI THỐNG						9.549.772	4.268.405	1.074.716	1.054.716	5.49.945	5.49.945	1.074.716	1.074.716	1.059.244	1.059.244	5.547.236					1.571.244			2.060	1.740.000	1.200.000			
1	Đánh đập dự án quan trọng quốc gia, các dự án cao tốc, các dự án trọng điểm, và một số tác động, công nghệ tiên tiến trên lĩnh vực - xã hội						1.479.922	1.300.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	300.000	300.000	1.300.000				300.000			300.000	300.000			
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023						1.479.922	1.300.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	300.000	300.000	1.300.000				300.000			300.000	300.000			
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển từ Hòn Daid đến Kien Lương	B	huyện Hòn Daid, Kiên Lương	39 đkm 24 cầu	2021-2024	số 2247/QĐ-UBND ngày 21/9/2021, số 302/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh.	1.479.922	1.300.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	300.000	300.000	1.300.000				300.000			300.000	300.000		công trình đang thi công (đầu tư trung điểm, dự án có tính chất liên kết vùng, đường ven biển)	
11	Đánh đập dự án giao thông khác						1.139.999	1.657.999	498.218	498.218	330.918	330.918	498.218	498.218	498.218	498.218	694.218	694.218	2.150.700				694.218			1.500	400.897	400.897		
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023						2.380.799	1.798.799	498.718	498.718	329.718	329.718	498.718	498.718	498.718	498.718	692.718	692.718	1.291.500				692.718			200.897	200.897			
1	Đường Minh Lương - Cầu Trương	B	huyện Châu Thành	5,58 km, 06 cầu, 07 cống	2021-2023	số 2711/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND huyện Châu Thành.	168.798	168.798	92.980	92.980	43.000	43.000	92.980	92.980	92.980	92.980	92.980	92.980	168.000				92.980			40.897	40.897		công trình đang thi công	
2	Cầu Thủ Tiến Thới 11 (cầu bê tông cốt thép - Cầu 65m)	B	huyện An Minh	tại trung cầu 25 tấn	2021-2024	số 1973/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 của UBND huyện An Minh.	290.000	290.000	100.000	100.000	72.000	72.000	100.000	100.000	100.000	100.000	103.000	103.000	200.000				103.000			50.000	50.000		công trình đang thi công	
3	Cầu Thủ Hạ (cầu bê tông cốt thép - Cầu 65m)	B	huyện An Biên	tại trung cầu 25 tấn	2021-2024	số 7519/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 của UBND huyện An Biên.	250.000	250.000	100.000	100.000	84.699	84.699	100.000	100.000	100.000	100.000	130.000	130.000	250.000				130.000			40.000	40.000		công trình đang thi công	
4	Đường tránh từ sân Kien Lương (điểm đầu DT 971 đến trạm dừng Kien Bình thuộc QL. 80)	B	huyện Kiên Lương	11,2km, 05 cầu	2022-2025	số 197/QĐ-UBND ngày 09/02/2022 của UBND huyện Kiên Lương.	150.000	150.000	40.238	40.238	26.155	26.155	40.238	40.238	40.238	40.238	40.238	40.238	350.000				40.238			100.000	100.000		công trình đang thi công	



TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-ĐT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Năm 2022								Đã bỏ trị vốn đến hết KH năm 2022				KH đầu tư trong hạn giải ngân 2024-2025							Dự kiến kế hoạch 2023				Ghi chú
								TSHHT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/9/2022		Ước giải ngân từ ngày 01/10/2022 đến ngày 31/03/2023						Trong đó: NSTW			Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022				Trong đó: NSTW				
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó NSTW		Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số	Trong đó	Trong đó	Trong đó	Tổng số	Trong đó	Trong đó	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó	Trong đó	Trong đó			
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ ADGB (nếu có)		Chuyển bù đầu tư						Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Thanh toán nợ ADGB		Chuyển bù đầu tư							
			Tổng số		Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ ADGB (nếu có)		Chuyển bù đầu tư						Tổng số			Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ ADGB (nếu có)		Chuyển bù đầu tư									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
5	Đường tăng tầm Hải Trường đoạn A và các đường nhánh	B	huyện Phú Quốc	8.8 km	2016-2023	07/QĐ-BQLK&TPQ, ngày 29/10/2015; 37/QĐ-BQLK&TPQ, ngày 28/3/2016; 97/QĐ-BQLK&TPQ, ngày 13/03/2020 của Ban quản lý Khu kinh tế Phú Quốc;	1.312.000	830.160	163.300	163.500	103.864	103.864	163.500	163.500	329.500	323.500	323.500					323.500				0					
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2023						859.200	859.200	1.500	1.500	1.200	1.200	1.500	1.500	1.500	1.500	859.200	0	0		1.500	0	0	1.500	200.000	200.000	0	0			
1	Mở rộng nền đường M7 Thới Mỹ Hiệp Sơn huyện Hòn Đất	B	huyện Hòn Đất	34,7km	2022-2025	Số 10/NQ-HĐND, ngày 04/5/2021 của HĐND huyện Hòn Đất;	129.200	129.200	300	300	200	200	300	300	300	300	129.200					500			500	50.000	50.000			Đang thực hiện thủ tục trình phê duyệt quyết định đầu tư	
2	Đường kết nối đê biển ven biển với cầu Thủ hạ	B	huyện An Biên	22,9km	2022-2025	Số 28/NQ-HĐND, 27/11/2020 của HĐND huyện An Biên	391.000	391.000	500	500	300	300	500	500	500	500	391.000					500			500	50.000	50.000			Đang thực hiện thủ tục trình phê duyệt quyết định đầu tư	
3	Đầu tư xây dựng công trình chống xâm lấn của biển trên địa bàn huyện Vĩnh Thuận.	B	huyện Vĩnh Thuận	1.600 m, 24 công trình	2021-2023	Số 25/2020/NQ-HĐND, ngày 22/12/2020 của HĐND huyện Vĩnh Thuận;	100.000	100.000	500	500	500	500	500	500	500	500	100.000					500			500	100.000	100.000			Đang thực hiện thủ tục trình phê duyệt quyết định đầu tư	
B	NGÂN HÀNG VIÊN CÔNG NGHIỆP						2.505.492	2.057.407	191.230	191.230	135.000	135.000	191.230	191.230	376.526	376.526	946.036	0	0		376.526	0	0	0	279.103	279.103	0	0			
1	Thực hiện dự án						2.505.492	2.057.407	191.230	191.230	135.000	135.000	191.230	191.230	376.526	376.526	946.036	0	0		376.526	0	0	0	279.103	279.103	0	0			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023						1.484.080	1.484.080	181.230	181.230	125.000	125.000	181.230	181.230	366.526	366.526	372.629	0	0		366.526	0	0	0	6.103	6.103	0	0			
1	Dự án đầu tư xây dựng 13 công trình huyện địa bàn ven biển tỉnh Kiên Giang	B	sắc huyện: An Biên, An Minh, Châu Thành, Kiên Lương	78 công	2019-2023	2516/QĐ-T.BND, ngày 31/10/2019	1.484.080	1.484.080	181.230	181.230	125.000	125.000	181.230	181.230	366.526	366.526	372.629					366.526			6.103	6.103			công trình đang thi công; đã bỏ trị lãi kế hoạch 2021-2025		
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành cơ bản năm 2023						80.000	80.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	80.000	0	0		10.000	0	0	0	30.000	30.000	0	0			
1	Kế chống sạt lở kênh Hò Giang (đoạn Trung tâm hành chính - Khu dân cư Bần Chín)	B	huyện Giang Thành	3,3km	2022-2024	Số 3022/QĐ-T.BND, ngày 14/10/2023 của UBND huyện Giang Thành;	80.000	80.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	80.000					10.000			10.000	30.000	30.000			công trình đang thi công.	
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2023						941.492	493.407	0	0	0	0	0	0	0	0	493.407	0	0		0	0	0	0	243.000	243.000	0	0			
1	Dự án bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy chữa cháy	B	huyện Kiên Giang		Mua sắm trung tâm tư vấn phòng cháy chữa cháy, phòng cấp cứu chữa cháy, xây dựng cơ sở hạ tầng	2022-2025	Số 37/NQ-HĐND, ngày 14/11/2022 của HĐND tỉnh;	60.000	60.000								60.000								43.000	43.000			Đang thực hiện thủ tục trình phê duyệt quyết định đầu tư		

* 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư Quyết định đầu tư		Năm 2022								KH đầu tư trong hạn giải ngân 2021-2025				Dự kiến kế hoạch 2023				Ghi chú							
						Số quyết định ngày tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/9/2022		Ước giải ngân từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/01/2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022		KH đầu tư trong hạn giải ngân 2021-2025				Dự kiến kế hoạch 2023										
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Trong đó: SSTW				Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022										
																	Trong đó:			Trong đó:			Tổng số		Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
Tổng số	Thao tác các khoản vốn ứng trước	Thao tác các khoản vốn ứng trước	Chuyển từ đầu tư	Tổng số	Thao tác các khoản vốn ứng trước	Thao tác các khoản vốn ứng trước	Chuyển từ đầu tư	Tổng số	Thao tác các khoản vốn ứng trước	Thao tác các khoản vốn ứng trước	Chuyển từ đầu tư	Tổng số	Thao tác các khoản vốn ứng trước	Thao tác các khoản vốn ứng trước	Chuyển từ đầu tư																
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
2	Xây dựng hệ thống cấp nước tiến huyện Gò Quao-Giồng Ràng-Châu Thành-Vĩnh Thuận-An Biên-An Minh 4 (Mành Thưng)	B	trên Kiên Giang	96 km tuyến ống chuyển từ nước hồ chứa 900 000m ³ (diện tích hồ 30ha), Công suất 30.000m ³ ngày đêm, trạm bơm	2022-2025	số 36/NQ-HĐND ngày 14/11/2021 của HĐND tỉnh.	881.892	433.407							0	0	433.407								200.000	200.000				Đang thực hiện thủ tục trình phê duyệt quyết định đầu tư	
C	NGÂN SÁCH TƯ LẬP						353.899	200.000	100.000	100.000	2.064	2.064	100.000	100.000	100.000	100.000	200.000	0	0	0	0	0	0	0	0	100.000	100.000	0	0		
I	Thực hiện dự án						353.899	200.000	100.000	100.000	2.064	2.064	100.000	100.000	100.000	100.000	200.000	0	0	0	0	0	0	0	0	100.000	100.000	0	0		
(I)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023						353.899	200.000	100.000	100.000	2.064	2.064	100.000	100.000	100.000	100.000	200.000	0	0	0	0	0	0	0	0	100.000	100.000	0	0		
1	Đầu tư xây dựng quang trường trung tâm và hương đài Bắc Hồ tại phường Dương Đông, TP. Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	B	Thành phố Phú Quốc	Tương tác, phố đi bộ, sân quang trường, khu trưng bày, hệ thống hạ tầng	2021-2023	số 435/QĐ, HĐND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh.	353.899	200.000	100.000	100.000	2.064	2.064	100.000	100.000	100.000	100.000	200.000	0	0	0	0	0	0	0	0	100.000	100.000	0	0		đang trình duyệt thi công
E	NGÂN SÁCH TƯ LẬP QUỐC PHÒNG						1.917.696	1.917.696	164.770	164.770	81.485	81.485	164.770	164.770	164.770	164.770	285.000	285.000	0	0	0	0	0	0	0	100.000	100.000	0	0		
F	NGÂN SÁCH TƯ LẬP CÔNG AN						118.551	118.000	500	500	500	500	500	500	500	500	500	0	0	0	0	0	0	0	0	500	0	0	0		
I	Thực hiện dự án						118.551	118.000	500	500	500	500	500	500	500	500	500	0	0	0	0	0	0	0	0	500	0	0	0		
(I)	Các dự án khởi công mới năm 2023						118.551	118.000	500	500	500	500	500	500	500	500	500	0	0	0	0	0	0	0	0	500	0	0	0		
1	Dự án nâng cấp hệ thống kỹ thuật trên địa bàn thành phố Rạch Giá	B	Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Xây dựng hệ thống bán RTCT L = 47km	2021-2025	36/NQ-HĐND, ngày 18/12/2020 của HĐND thành phố Rạch Giá	118.551	118.000	500	500	500	500	500	500	500	500	500	0	0	0	0	0	0	0	0	500	0	0	0		TPR đang đề nghị bổ sung vốn thực hiện, do chưa điều chỉnh chủ trương đầu tư





Phụ lục III
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2022
VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM ĐỐI VỚI DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THIỆU C CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Báo cáo số 303/B(-UBND) ngày 10 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Biểu mẫu II h

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Năm 2022								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022		Dự kiến KH Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội				Ghi chú	
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/9/2022		Ước giải ngân từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/01/2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Trong đó: NSTW		Trong đó: đã giao kế hoạch năm 2022		Trong đó: NSTW		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW			Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư	Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư	Tổng số		Trong đó: Chuẩn bị đầu tư
	TỔNG SỐ						370.000	350.000	55.000	55.000	5.000	5.000	55.000	55.000	55.000	55.000	350.000	0	55.000	0	295.000	0	
A	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN						270.000	250.000	25.000	25.000	0	0	25.000	25.000	25.000	25.000	250.000	0	25.000	0	225.000	0	
I	Thực hiện dự án						270.000	250.000	25.000	25.000	0	0	25.000	25.000	25.000	25.000	250.000	0	25.000	0	225.000	0	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023						270.000	250.000	25.000	25.000	0	0	25.000	25.000	25.000	25.000	250.000	0	25.000	0	225.000	0	
1	Dự án chống sạt lở bờ biển và phục hồi tự nhiên đê, kè biển từ Tiểu Đê đến khu vực Kim Quy, huyện An Minh	B	huyện An Minh	3.152km; công trình phụ	2022-2023	số 64/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh.	150.000	150.000	5.000	5.000			5.000	5.000	5.000	5.000	150.000		5.000		145.000		
2	Dự án kê xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiền (từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Sư Thiên Ân, phường Vĩnh Bảo, TP Rạch Giá)	B	Thành phố Rạch Giá	495m; công trình phụ	2022-2023	số 66/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh.	120.000	100.000	20.000	20.000			20.000	20.000	20.000	20.000	100.000		20.000		80.000		
B	LĨNH VỰC AN SINH, XÃ HỘI						100.000	100.000	30.000	30.000	5.000	5.000	30.000	30.000	30.000	30.000	100.000	0	30.000	0	70.000	0	
I	Thực hiện dự án						100.000	100.000	30.000	30.000	5.000	5.000	30.000	30.000	30.000	30.000	100.000	0	30.000	0	70.000	0	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023						100.000	100.000	30.000	30.000	5.000	5.000	30.000	30.000	30.000	30.000	100.000	0	30.000	0	70.000	0	
1	Dự án nâng cấp, cải tạo Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Kiên Giang	B	huyện Châu Thành	XD mới+ cải tạo, thiết bị	2022-2023	số 65/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh.	100.000	100.000	30.000	30.000	5.000	5.000	30.000	30.000	30.000	30.000	100.000		30.000		70.000		

